

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/HNGĐ-ST

Ngày : 22/02/2022

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bích Hiền;

2. Ông Trần Quý Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp về ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXX-HN ngày 10 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn C, xã Ân Phong, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Anh Cao Đức T, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn H, xã Ân Phong, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định;

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt (lần 02).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ của bên nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Năm 2020, chị N và anh Cao Đức T quen biết nhau qua mạng internet, anh T có cha, mẹ tên (Cao Đức S, Nguyễn Thị P) là người ở tỉnh Vĩnh Phúc vào Hoài Ân, Bình Định sinh sống từ lâu; hiện nay anh T có hộ khẩu cùng cha mẹ tại thôn H, xã Ân Phong, huyện Hoài Ân. Chị N và anh T đăng ký kết hôn tại UBND xã Ân Phong vào

năm 2020 là tự nguyện. Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2020, chị N có về sống cùng với anh T tại Sóc Sơn, Hà Nội; sau đó chị N về Hoài Ân, Bình Định sống cùng cha mẹ ruột và làm nhiều nghề.

Lý do chị N ly hôn: Chị N và anh Cao Đức T sống với nhau không hợp, anh T đưa chị N về Bắc sống với nhau được 03 tháng, nhưng chị N không thể sinh sống ở Bắc được, do quá trình chung sống, chị N và anh T bất đồng về mọi mặt, sống chung không có tình cảm nên chị N đã về sống với cha mẹ ruột (Lê Minh H, Nguyễn Thị B) tại thôn C, Ân Phong, Hoài Ân và ly thân với anh T từ năm 2020 cho đến nay. Chị N xác định không còn tình cảm với anh T, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N ly hôn anh Cao Đức T. Về con chung, tài sản chung: Không có.

- Bị đơn, anh Cao Đức T: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, mặt dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ, nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia các phiên giải quyết, không có bản khai.

Do tính chất của vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên không có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Năm 2020 chị Lê Thị N ở thôn C, xã Ân Phong và anh Cao Đức T ở thôn H, xã Ân Phong, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định kết hôn và có đăng ký tại UBND xã Ân Phong vào ngày 22/9/2020 trên cơ sở tự nguyện nên hợp pháp. Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2020, chị N có về sống cùng với anh T tại Sóc Sơn, Hà Nội; sau đó chị N về Hoài Ân, Bình Định sống cùng cha mẹ ruột và làm nhiều nghề.

Lý do chị N ly hôn: Chị N cho rằng giữa chị và anh T sống với nhau không hợp, anh T đưa chị N về Bắc sống với nhau được 03 tháng, nhưng chị N không thể sinh sống ở Bắc được, do quá trình chung sống, chị N và anh T bất đồng về mọi mặt, sống chung không có tình cảm nên chị N đã về sống với cha mẹ ruột (Lê Minh H, Nguyễn Thị B) tại thôn C, xã Ân Phong, huyện Hoài Ân và ly thân với anh T từ năm 2020 cho đến nay. Chị N xác định không còn tình cảm với anh T, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N ly hôn anh Cao Đức T. Về con chung, tài sản chung: Không có.

- Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý sơ thẩm vụ án và xác định đây là “*Tranh chấp về ly hôn*” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân

sự; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện thủ tục giao nhận tài liệu, chứng cứ; tổ chức phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ; hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quyền, nghĩa vụ của đương sự: Tòa án đã thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ; giải thích các quy định của pháp luật, bị đơn anh Cao Đức T không yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa, cả chị N, anh T đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Lê Thị N.

- Về hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và thực tế hai người không sống chung từ năm 2020 cho đến nay. Do đó có kéo dài mối quan hệ vợ chồng thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Tại Tòa án, chị N xin ly hôn anh Cao Đức T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con: Chị N xác định không có con chung.

- Về tài sản: Chị N không yêu cầu giải quyết.

[3]. Đối với bị đơn Cao Đức T: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày đưa vụ án ra xét xử, mặc dù Tòa án đã triệu tập, thông báo hợp lệ, nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia phiên tòa là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Cao Đức T theo quy định.

[4]. Do tính chất của vụ án: Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên không có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân.

[5]. Từ các căn cứ nêu trên; Hội đồng xét xử giải quyết như sau:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị N được ly hôn anh Cao Đức T.

- Về nuôi con, tài sản: Không có con chung, chị N không yêu cầu giải quyết tài sản.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên buộc chị N nộp án phí.

Vì các lẽ trên; Căn cứ vào khoản 1 Điều 235, khoản 1 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị N được ly hôn anh Cao Đức T.

- Về nuôi con, tài sản: Không có con chung, chị N không yêu cầu giải quyết tài sản.

2. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Lê Thị N nộp 300.000 đồng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010454 ngày 07/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

3. Các bên đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Vân

